

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai

NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2023/NQ-HĐND				NGHỊ QUYẾT SỐ 197/2025/QH15	NGHỊ ĐỊNH SỐ 289/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT				THUYẾT MINH
1. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế						1. Tổng mức chi và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ đối với xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (xây dựng mới, thay thế):				
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: triệu đồng/vb30				Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 250 triệu đồng/văn bản		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: triệu đồng/vb30				- Tổng mức chi bằng mức quy định tại NQ 54/2023; - Phân bổ cho các nhiệm vụ theo khối lượng công việc của các nhiệm vụ. (70%-10%-10%-10%)
Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình/thông qua/ký ban hành				Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua				
26,00	2					2				
Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: triệu đồng/vb20				Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 100 triệu đồng/văn bản		Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: triệu đồng/vb20				- Tổng mức chi bằng mức quy định tại NQ 54/2023; - Phân bổ cho các nhiệm vụ theo khối lượng công việc của các nhiệm vụ (80%-10%-10%)
Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình/thông qua/ký ban hành								
16,00	2	2								
				Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: 30 triệu đồng/văn bản		Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: triệu đồng/vb10				- Trước đây, NQ 54/2023 không quy định mức chi cho nội dung này; - Tại Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP quy định Tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh do HĐND cùng cấp quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách, quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tình hình thực tế và trên cơ sở tham chiếu mức chi sau đây: a) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 30.000.000 đồng/01 văn bản. Theo đó, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tương quan với các văn bản QPPL khác của tỉnh, mức đề xuất 10.000.000 đ/VB; phân bổ cho từng nhiệm vụ theo tỷ lệ 80%-10%-10%.
Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình/thông qua/ký ban hành								
8,00	1					1				

NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2023/NQ-HĐND	NGHỊ QUYẾT SỐ 197/2025/QH15	NGHỊ ĐỊNH SỐ 289/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT				THUYẾT MINH
<i>Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã: 10 triệu đồng</i>		<i>Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã: 10 triệu đồng</i>	<i>Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã: triệu đồng/vb</i> 10				- Tổng mức chi bằng mức quy định NQ 54/2023 và ND 289/2025 - Tại Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP quy định <i>Tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã do HĐND cùng cấp quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách, quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tình hình thực tế và trên cơ sở tham chiếu mức chi sau đây:</i> b) <i>Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã là 10.000.000 đồng/01 văn bản; c) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã là 8.000.000 đồng/01 văn bản.</i> Điều 22 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2025: 2. <i>Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành nghị quyết để quy định:</i> a) <i>Những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao;</i> b) <i>Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;</i> c) <i>Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.</i> Theo đó, HĐND cấp xã không có thẩm quyền ban hành mức chi. Điều h Khoản 9 Điều 31 Luật NSNN 2025, HĐND tỉnh có trách nhiệm "Quyết định cụ thể" định mức chi dựa trên khung đó để áp dụng chung trên địa bàn tỉnh. Do đó, HĐND tỉnh quy định tổng mức chi để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh. - Tổng mức chi cho từng nhiệm vụ theo tỷ lệ tương ứng của các VB QPPL cấp tỉnh
			<i>Nhiệm vụ soạn thảo</i>	<i>Nhiệm vụ thẩm định</i>	<i>Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình/thông qua/ký ban hành</i>	<i>Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua</i>	
			7,00	1	1	1	
<i>Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã: 8 triệu đồng/văn bản</i>		<i>Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã: 8 triệu đồng/văn bản</i>	<i>Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã: triệu đồng/vb</i> 8				
			<i>Nhiệm vụ soạn thảo</i>	<i>Nhiệm vụ thẩm định</i>	<i>Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình/thông qua/ký ban hành</i>		
			6,40	0,8	1		
Nội dung, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động: Thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC, sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính			2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoản chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Phụ lục II, III, IV kèm theo Nghị quyết.				- Nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoản chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động được xây dựng theo trình tự và sản phẩm quy định tại các Điều từ Điều 44 đến Điều 51c Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: Mức phân bổ kinh phí bằng 80% mức phân bổ kinh phí đối với văn bản được quy định tại khoản 1 Điều này.		Tổng mức chi quy định tại Mục III Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15, khoản 1 và khoản 2 Điều này là mức chi được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng định mức khoản chi như sau:	3. Tổng mức chi và định mức khoản chi quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi và định mức khoản chi tương ứng cho từng nhiệm vụ, hoạt động như sau:				
		a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Mục III của Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15, tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; bằng định mức khoản chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này;	a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi, định mức khoản chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I; bằng định mức khoản chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục II, III, IV;				
		b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Mục III của Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15, tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; bằng 60% định mức khoản chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.	b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi, định mức khoản chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I; bằng 60% định mức khoản chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục II, III, IV.				

NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2023/NQ-HĐND	NGHỊ QUYẾT SỐ 197/2025/QH15	NGHỊ ĐỊNH SỐ 289/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		Vấn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thi áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15, tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng trong xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình, thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật tương ứng theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này đối với trường hợp thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ.	3. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thi áp dụng tổng mức chi, định mức khoán chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục II, III, IV.	
	Người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này được quyền chủ động quyết định nội dung chi, thay đổi nội dung chi theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này; chịu trách nhiệm trong việc sử dụng ngân sách được giao; bảo đảm việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.	Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; thông tư, thông tư liên tịch; nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do người đứng đầu Cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động chủ động quyết định hoặc ban hành quy định, quy chế để áp dụng nội bộ trong phạm vi tổng mức chi quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 hoặc quy định tại Điều 5 của Nghị định này.	4. Người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì soạn thảo, thẩm định, trình, thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, tham chiếu định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động theo danh mục nhiệm vụ, hoạt động tại Phụ lục I, II, III, IV kèm theo Nghị quyết này để quyết định (hoặc ban hành quy định, quy chế áp dụng nội bộ) về mức chi đối với từng hoạt động cụ thể khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế phát sinh; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.	
Thực hiện theo quy định của thông tư số 338/2016/TT-BTC, sửa đổi bởi Thông tư 42/2022/TT-BTC: "Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp thì cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Thông tư này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật".		Trường hợp 01 nhiệm vụ, hoạt động hoặc từng hoạt động trong mỗi nhiệm vụ quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định này hoặc tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định này đã được thực hiện và đã có sản phẩm hoàn thành thì được thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ hoặc hoạt động đó. Sản phẩm hoàn thành và định mức khoán chi phải phù hợp với quy định tương ứng tại phụ lục kèm theo Nghị định này; phù hợp với quyết định, quy định hoặc quy chế đối với trường hợp tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định này.	5. Trường hợp 01 nhiệm vụ, hoạt động hoặc từng hoạt động trong mỗi nhiệm vụ quy định tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này đã được thực hiện và đã có sản phẩm hoàn thành thì được thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ hoặc hoạt động đó. Sản phẩm hoàn thành và định mức khoán chi phải phù hợp với quy định tương ứng tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này	